CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA HDPE - PE 100

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 01-02-2022 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản phẩm	PN 06 bar			PN 08 bar			PN 10 bar		
	DN	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán
	ĐK danh nghĩa	mm	đồng/mét		mm	đồng/mét		mm	đồng/mét	
1	32							2.0	13,182	14,237
2	40				2.0	16,636	17,967	2.4	20,091	21,698
3	50				2.4	25,818	27,883	3.0	30,818	33,283
4	63				3.0	40,091	43,298	3.8	49,273	53,215
5	75				3.6	57,000	61,560	4.5	70,273	75,895
6	90				4.3	90,000	97,200	5.4	99,727	107,705
7	90*				4.3	83,400	90,072			
8	110	4.2	97,273	105,055	5.3	120,818	130,483	6.6	151,091	163,178
9	125	4.8	125,818	135,883	6.0	156,000	168,480	7.4	190,727	205,985
10	140	5.4	157,909	170,542	6.7	194,273	209,815	8.3	238,091	257,138
11	160	6.2	206,909	223,462	7.7	255,091	275,498	9.5	312,909	337,942
12	180	6.9	258,545	279,229	8.6	321,182	346,877	10.7	393,909	425,422
13	200	7.7	321,091	346,778	9.6	400,091	432,098	11.9	493,636	533,127
14	225	8.6	402,818	435,043	10.8	503,818	544,123	13.4	606,727	655,265
15	250	9.6	499,000	538,920	11.9	614,818	664,003	14.8	751,727	811,865
16	280	10.7	618,818	668,323	13.4	784,273	847,015	16.6	936,636	1,011,567
17	315	12.1	789,091	852,218	15.0	982,455	1,061,051	18.7	1,192,727	1,288,145
18	355	13.6	1,002,273	1,082,455	16.9	1,235,455	1,334,291	21.1	1,515,727	1,636,985
19	400	15.3	1,264,455	1,365,611	19.1	1,584,364	1,711,113	23.7	1,926,000	2,080,080
20	450	17.2	1,615,909	1,745,182	21.5	1,988,727	2,147,825	26.7	2,433,727	2,628,425
21	500	19.1	1,967,909	2,125,342	23.9	2,467,091	2,664,458	29.7	3,026,455	3,268,571
22	560	21.4	2,702,727	2,918,945	26.7	3,332,727	3,599,345	33.2	4,091,818	4,419,163
23	630	24.1	3,424,545	3,698,509	30.0	4,210,909	4,547,782	37.4	5,182,727	5,597,345
24	710	27.2	4,360,000	4,708,800	33.9	5,369,091	5,798,618	42.1	6,586,364	7,113,273
25	800	30.6	5,521,818	5,963,563	38.1	6,805,455	7,349,891	47.4	8,351,818	9,019,963
26	900	34.4	6,983,636	7,542,327	42.9	8,610,909	9,299,782	53.3	10,564,545	11,409,709
27	1000	38.2	8,617,273	9,306,655	47.7	10,639,091	11,490,218	59.3	13,056,364	14,100,873
28	1200	45.9	12,411,818	13,404,763	57.2	15,312,727	16,537,745	67.9	17,985,455	19,424,291
29	1400	53.5	19,950,000	21,546,000	66.7	24,601,646	26,569,778	82.4	29,995,867	32,395,536
30	1600	61.2	26,075,000	28,161,000	76.2	32,123,676	34,693,570	94.1	39,153,177	42,285,431
31	1800	69.1	33,118,750	35,768,250	85.7	40,627,374	43,877,564	105.9	49,258,531	53,199,213
32	2000	76.9	40,923,750	44,197,650	95.2	50,163,750	54,176,850	117.6	61,180,000	66,074,400

Chú ý *: * - ống cây thẳng.* ***Khuyến cáo: Ống và phụ kiện hàn HDPE cần tương thích về vật liệu (PE100/PE80) và độ dày/áp lực (PN)***

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA HDPE - PE 100

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 01-02-2022 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản phẩm	PN 12.5 bar			PN 16 bar			PN 20 bar		
	DN	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán
	ĐK danh nghĩa	mm	đồng/mét		mm	đồng/mét		mm	đồng/mét	
33	20				2.0	7,727	8,345	2.3	9,091	9,818
34	25	2.0	9,818	10,603	2.3	11,727	12,665	3.0	13,727	14,825
35	32	2.4	16,091	17,378	3.0	18,818	20,323	3.6	22,636	24,447
36	40	3.0	24,273	26,215	3.7	29,182	31,517	4.5	34,636	37,407
37	50	3.7	37,091	40,058	4.6	45,273	48,895	5.6	53,545	57,829
38	63	4.7	59,727	64,505	5.8	71,182	76,877	7.1	85,273	92,095
39	75	5.6	84,727	91,505	6.8	101,091	109,178	8.4	120,727	130,385
40	90	6.7	120,545	130,189	8.2	144,727	156,305	10.1	173,273	187,135
41	110	8.1	180,545	194,989	10.0	218,000	235,440	12.3	262,364	283,353
42	125	9.2	232,455	251,051	11.4	282,000	304,560	14.0	336,273	363,175
43	140	10.3	288,364	311,433	12.7	349,636	377,607	15.7	420,545	454,189
44	160	11.8	376,273	406,375	14.6	462,364	499,353	17.9	551,636	595,767
45	180	13.3	479,727	518,105	16.4	581,636	628,167	20.1	697,455	753,251
46	200	14.7	587,818	634,843	18.2	727,727	785,945	22.4	867,727	937,145
47	225	16.6	743,091	802,538	20.5	889,727	960,905	25.2	1,073,182	1,159,037
48	250	18.4	923,909	997,822	22.7	1,106,909	1,195,462	27.9	1,324,364	1,430,313
49	280	20.6	1,158,364	1,251,033	25.4	1,387,273	1,498,255	31.3	1,658,818	1,791,523
50	315	23.2	1,448,818	1,564,723	28.6	1,756,000	1,896,480	35.2	2,113,182	2,282,237
51	355	26.1	1,837,545	1,984,549	32.2	2,229,273	2,407,615	39.7	2,680,727	2,895,185
52	400	29.4	2,326,364	2,512,473	36.3	2,841,000	3,068,280	44.7	3,414,182	3,687,317
53	450	33.1	2,941,364	3,176,673	40.9	3,595,909	3,883,582	50.3	4,316,091	4,661,378
54	500	36.8	3,660,545	3,953,389	45.4	4,457,545	4,814,149	55.8	5,338,545	5,765,629
55	560	41.2	4,994,545	5,394,109	50.8	6,032,727	6,515,345			
56	630	46.3	6,312,727	6,817,745	57.2	7,167,273	7,740,655			
57	710	52.2	8,031,818	8,674,363	64.5	9,723,636	10,501,527			
58	800	58.8	8,578,182	9,264,437						
59	900	66.2	12,907,273	13,939,855						
60	1000	72.5	15,720,909	16,978,582						

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 01-02-2022 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm		Nối thẳng phun		Co phun (Nối góc 90°)		Tê phun (Ba chạc 90°)		Đầu bịt phun		Mặt bích phun	
	DN	PN	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
	ĐK danh nghĩa	*bar*	*đồng/cái*		*đồng/cái*		*đồng/cái*		*đồng/cái*		*đồng/cái*	
1	20	16.0	17,000	18,360	21,091	22,778	21,455	23,171	8,636	9,327		
2	25	16.0	25,545	27,589	24,182	26,117	30,727	33,185	10,000	10,800		
3	32	16.0	33,091	35,738	33,091	35,738	35,636	38,487	17,000	18,360		
4	40	10.0									14,000	15,120
5	40	16.0	49,182	53,117	52,636	56,847	69,545	75,109	29,727	32,105		
6	50	10.0									20,091	21,698
7	50	16.0	63,982	69,101	68,182	73,637	111,455	120,371	42,636	46,047		
8	63	10.0									44,727	48,305
9	63	16.0	84,273	91,015	114,364	123,513	133,636	144,327	63,909	69,022	44,727	48,305
10	75	10.0	134,727	145,505	158,091	170,738	211,818	228,763	96,636	104,367	70,909	76,582
11	75	16.0									70,909	76,582
12	90	10.0	235,364	254,193	268,909	290,422	395,364	426,993	153,364	165,633	106,364	114,873
13	90	16.0									106,364	114,873
14	110	10.0									141,545	152,869
15	110	16.0									141,545	152,869
16	125	10.0									172,727	186,545
17	125	16.0									172,727	186,545
18	140	10.0									220,909	238,582
19	140	16.0									220,909	238,582
20	160	10.0									263,636	284,727
21	160	16.0									263,636	284,727
22	180	10.0									440,818	476,083
23	180	16.0									440,818	476,083

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 01-02-2022 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm	PN	Nối chuyển bậc phun (Nối giảm phun)		Tê chuyển bậc phun Ba chạc 90° chuyển bậc phun		Đầu nối chuyển bậc phun dán	
	DN		Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
	ĐK danh nghĩa	*bar*	*đồng/cái*		*đồng/cái*		*đồng/cái*	
24	25-20	16.0	25,364	27,393	39,091	42,218		
25	32-20	16.0	35,091	37,898	53,091	57,338		
26	32-25	16.0	35,727	38,585	53,727	58,025		
27	40-20	16.0	36,727	39,665	63,636	68,727		
28	40-25	16.0	38,364	41,433	69,909	75,502		
29	40-32	16.0	43,636	47,127	65,273	70,495		
30	50-25	16.0	44,909	48,502	77,455	83,651		
31	50-32	16.0	46,091	49,778	98,727	106,625		
32	50-40	16.0	57,818	62,443	95,636	103,287		
33	63-20	16.0	61,091	65,978				
34	63-25	16.0	72,364	78,153	110,091	118,898		
35	63-32	16.0			111,727	120,665		
36	63-40	16.0	79,909	86,302	116,818	126,163		
37	63-50	16.0	80,909	87,382	118,273	127,735		
38	75-50	10.0	130,909	141,382	233,455	252,131		
39	75-63	10.0	152,727	164,945	211,636	228,567		
40	90-63	10.0	174,909	188,902	377,000	407,160		
41	90-75	10.0	235,636	254,487	405,364	437,793		
42	40-32-25-20	10.0					4,455	4,811
43	90-63-50-32-20	10.0					8,000	8,640
44	90-75-63	10.0					31,545	34,069
45	125-110-90	10.0					83,091	89,738
46	160-140-125	10.0					129,727	140,105
47	200-180-160	10.0					176,818	190,963

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT : (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 01-02-2022 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm	PN	Nối thẳng ren ngoài phun		Nối thẳng ren trong phun		Co ren ngoài phun		Đai khởi thủy phun		Đai khởi thủy ren trong đồng phun	
	DN		Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
	ĐK danh nghĩa	bar	đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
48	20-1/2"	16.0	12,000	12,960	10,545	11,389	12,545	13,549				
49	20-3/4"	16.0	12,000	12,960			12,545	13,549				
50	25-1/2"	16.0	13,909	15,022	15,273	16,495	14,818	16,003				
51	25-3/4"	16.0	13,909	15,022	14,455	15,611	14,182	15,317				
52	25-1"	16.0	13,909	15,022								
53	32-1/2"	16.0							21,091	22,778		
54	32-3/4"	16.0	16,727	18,065					21,091	22,778		
55	32-1"	16.0	16,909	18,262	22,364	24,153	23,364	25,233				
56	32-1.1/4"	16.0	17,273	18,655								
57	40-1/2"	16.0							31,000	33,480		
58	40-3/4"	16.0							31,000	33,480		
59	40-1.1/2"	16.0	28,455	30,731								
60	40-1.1/4"	16.0	29,636	32,007	57,545	62,149	41,273	44,575				
61	40-1"	16.0	29,636	32,007								
62	40-2"	16.0	32,182	34,757								
63	50-1/2"	16.0							37,818	40,843	46,273	49,975
64	50-3/4"	16.0							37,818	40,843	73,818	79,723
65	50-1"	16.0							37,818	40,843		
66	50-2"	16.0	52,636	56,847								
67	50-1.1/2"	16.0	34,909	37,702	60,909	65,782	59,273	64,015				
68	50-1.1/4"	16.0	51,818	55,963								
69	63-1/2"	16.0							53,727	58,025	72,818	78,643
70	63-1"	16.0							53,727	58,025		
71	63-2"	16.0	61,364	66,273			91,727	99,065				
72	63-1.1/2"	16.0	60,636	65,487								
73	63-2.1/2"	10.0	60,364	65,193								

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 01-02-2022 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm	PN	Nối thẳng ren ngoài phun		Đai khởi thủy phun		Đai khởi thủy ren trong đồng phun		Lơi phun (Nối góc 45 độ)	
	DN		Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
	ĐK danh nghĩa	*bar*	*đồng/cái*		*đồng/cái*		*đồng/cái*		*đồng/cái*	
74	63	16.0							107,455	116,051
75	63-3/4"	16.0			53,727	58,025	87,091	94,058		
76	63-1.1/4"	16.0			57,545	62,149				
77	75-1"	16.0			68,182	73,637				
78	75-1/2"	16.0			68,182	73,637	88,455	95,531		
79	75-2"	10.0	97,273	105,055						
80	75-3/4"	16.0			68,182	73,637				
81	75-1.1/4"	16.0			72,364	78,153				
82	75-1.1/2"	16.0			72,364	78,153				
83	75-2"	16.0			75,273	81,295				
84	75-2.1/2"	10.0	92,182	99,557						
85	90-1"	16.0			81,636	88,167				
86	90-2"	10.0	135,545	146,389						
87	90-2"	16.0			84,545	91,309				
88	90-3"	10.0	149,636	161,607						
89	90-2.1/2"	10.0	139,909	151,102						
90	90-1/2"	16.0			81,636	88,167	134,636	145,407		
91	90-3/4"	16.0			81,636	88,167	136,636	147,567		
92	90-1.1/2"	16.0			81,636	88,167				
93	90-1.1/4"	16.0			84,545	91,309				
94	110-1/2"	16.0			129,273	139,615	173,545	187,429		
95	110-1"	16.0			122,636	132,447				
96	110-2"	16.0			122,636	132,447				
97	110-3/4"	16.0			129,273	139,615	193,182	208,637		
98	110-1.1/2"	16.0			113,818	122,923				
99	110-1.1/4"	16.0			113,818	122,923				

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT : (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE - PE100

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 01-02-2022 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm		Co PE100 hàn (Nối góc 90°)		Lơi PE100 hàn (Nối góc 45°)		Tê PE100 hàn (Ba chạc 90°)		Y PE100 hàn (Ba chạc 45°)		Y PE100 hàn (Ba chạc 60°)	
	DN	PN	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
	ĐK danh nghĩa	bar	đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
100	90	6.0	94,909	102,502	72,545	78,349	149,909	161,902	141,182	152,476	158,727	171,425
101	90	8.0	117,818	127,244	90,091	97,298	179,182	193,516	169,455	183,011	189,818	205,003
102	90	10.0	142,636	154,047	109,091	117,818	215,182	232,396	202,545	218,749	227,364	245,553
103	90	12.5	170,909	184,582	130,909	141,382						
104	90	16.0	204,455	220,811	156,273	168,775						
105	110	6.0	145,545	157,189	111,000	119,880	226,818	244,964	235,636	254,487	255,091	275,498
106	110	8.0	178,636	192,927	136,273	147,175	272,636	294,447	283,364	306,033	306,182	330,677
107	110	10.0	215,636	232,887	164,545	177,709	327,182	353,356	339,818	367,004	367,545	396,949
108	110	12.5	259,000	279,720	197,636	213,447						
109	110	16.0	311,091	335,978	237,091	256,058						
110	125	6.0	190,818	206,084	143,636	155,127	297,000	320,760	338,818	365,924	347,545	375,349
111	125	8.0	231,727	250,265	174,273	188,215	359,273	388,015	409,909	442,702	421,091	454,778
112	125	10.0	282,818	305,444	212,727	229,745	429,364	463,713	491,727	531,065	504,364	544,713
113	125	12.5	342,727	370,145	258,000	278,640						
114	125	16.0	410,909	443,782	309,091	333,818						
115	140	6.0	246,364	266,073	187,455	202,451	377,727	407,945	424,545	458,509	456,182	492,677
116	140	8.0	301,364	325,473	229,273	247,615	454,727	491,105	511,182	552,076	550,636	594,687
117	140	10.0	367,545	396,949	279,909	302,302	547,182	590,956	616,273	665,575	662,091	715,058
118	140	12.5	443,455	478,931	337,364	364,353						
119	140	16.0	533,545	576,229	406,000	438,480						
120	160	6.0	329,091	355,418	248,273	268,135	503,364	543,633	609,455	658,211	652,364	704,553
121	160	8.0	399,636	431,607	301,818	325,964	610,455	659,291	740,000	799,200	792,545	855,949
122	160	10.0	486,364	525,273	367,091	396,458	728,273	786,535	884,091	954,818	946,364	1,022,073
123	160	12.5	591,000	638,280	445,909	481,582						
124	160	16.0	705,909	762,382	532,545	575,149						
125	180	6.0	428,364	462,633	316,909	342,262	652,364	704,553	867,545	936,949	924,455	998,411
126	180	8.0	523,818	565,724	387,000	417,960	786,727	849,665	1,046,636	1,130,367	1,115,818	1,205,083
127	180	10.0	642,091	693,458	474,636	512,607	944,455	1,020,011	1,252,091	1,352,258	1,333,909	1,440,622
128	180	12.5	775,000	837,000	573,000	618,840						
129	180	16.0	926,455	1,000,571	684,455	739,211						
130	200	6.0	543,818	587,324	402,636	434,847	816,909	882,262	1,151,818	1,243,964	1,223,818	1,321,723
131	200	8.0	663,545	716,629	491,182	530,476	992,091	1,071,458	1,396,182	1,507,876	1,483,818	1,602,523
132	200	10.0	807,182	871,756	597,818	645,644	1,183,000	1,277,640	1,678,545	1,812,829	1,782,727	1,925,345

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE - PE100

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 01-02-2022 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm		Co PE100 hàn (Nối góc 90°)		Lơi PE100 hàn (Nối góc 45°)		Tê PE100 hàn (Ba chạc 90°)		Y PE100 hàn (Ba chạc 45°)		Y PE100 hàn (Ba chạc 60°)	
	DN	PN	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
	ĐK danh nghĩa	bar	đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
133	200	12.5	978,545	1,056,829	724,364	782,313						
134	200	16.0	1,175,636	1,269,687	870,455	940,091						
135	225	6.0	709,818	766,604	512,091	553,058	1,067,091	1,152,458	1,551,000	1,675,080	1,677,091	1,811,258
136	225	8.0	869,909	939,502	628,000	678,240	1,282,273	1,384,855	1,878,182	2,028,436	2,031,000	2,193,480
137	225	10.0	1,059,273	1,144,015	764,273	825,415	1,546,091	1,669,778	2,248,091	2,427,938	2,431,182	2,625,677
138	225	12.5	1,282,727	1,385,345	925,455	999,491						
139	225	16.0	1,535,455	1,658,291	1,108,000	1,196,640						
140	250	6.0	1,062,727	1,147,745	816,909	882,262	1,343,636	1,451,127	1,988,182	2,147,236	2,146,909	2,318,662
141	250	8.0	1,309,091	1,413,818	1,006,273	1,086,775	1,625,000	1,755,000	2,402,909	2,595,142	2,595,727	2,803,385
142	250	10.0	1,594,364	1,721,913	1,225,364	1,323,393	1,945,364	2,100,993	2,878,091	3,108,338	3,108,364	3,357,033
143	250	12.5	1,927,818	2,082,044	1,481,364	1,599,873						
144	250	16.0	2,308,455	2,493,131	1,774,000	1,915,920						
145	280	6.0	1,425,909	1,539,982	1,055,455	1,139,891	1,734,091	1,872,818	2,506,182	2,706,676	2,779,273	3,001,615
146	280	8.0	1,741,364	1,880,673	1,288,636	1,391,727	2,095,273	2,262,895	3,029,000	3,271,320	3,358,091	3,626,738
147	280	10.0	2,120,091	2,289,698	1,569,000	1,694,520	2,508,091	2,708,738	3,640,455	3,931,691	4,036,182	4,359,077
148	280	12.5	2,561,636	2,766,567	1,895,636	2,047,287						
149	280	16.0	3,079,091	3,325,418	2,278,818	2,461,124						
150	315	6.0	2,046,545	2,210,269	1,495,000	1,614,600	2,259,818	2,440,604	3,375,636	3,645,687	3,791,364	4,094,673
151	315	8.0	2,521,727	2,723,465	1,842,091	1,989,458	2,729,091	2,947,418	4,072,727	4,398,545	4,574,636	4,940,607
152	315	10.0	3,069,364	3,314,913	2,242,273	2,421,655	3,284,091	3,546,818	4,896,455	5,288,171	5,500,091	5,940,098
153	315	12.5	3,703,727	4,000,025	2,705,273	2,921,695						
154	315	16.0	4,452,909	4,809,142	3,252,455	3,512,651						
155	355	6.0	3,161,909	3,414,862	2,131,273	2,301,775	4,151,545	4,483,669	4,467,000	4,824,360	4,956,818	5,353,363
156	355	8.0	3,899,455	4,211,411	2,628,818	2,839,124	5,015,182	5,416,396	5,393,000	5,824,440	5,984,909	6,463,702
157	355	10.0	4,742,545	5,121,949	3,196,909	3,452,662	6,033,636	6,516,327	6,485,364	7,004,193	7,196,636	7,772,367
158	355	12.5	5,726,000	6,184,080	3,860,000	4,168,800						
159	355	16.0	6,885,545	7,436,389	4,641,364	5,012,673						
160	400	6.0	4,107,273	4,435,855	2,863,000	3,092,040	5,411,455	5,844,371	6,203,000	6,699,240	6,911,364	7,464,273
161	400	8.0	5,039,545	5,442,709	3,513,364	3,794,433	6,554,545	7,078,909	7,486,273	8,085,175	8,342,091	9,009,458
162	400	10.0	6,151,455	6,643,571	4,288,364	4,631,433	7,871,818	8,501,564	9,005,182	9,725,596	10,034,818	10,837,603
163	400	12.5	7,424,909	8,018,902	5,175,818	5,589,884						
164	400	16.0	8,931,636	9,646,167	6,225,909	6,723,982						
165	450	6.0	5,404,636	5,837,007	3,840,545	4,147,789	7,066,636	7,631,967	8,586,455	9,273,371	9,296,273	10,039,975

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE - PE100

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 01-02-2022 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm DN ĐK danh nghĩa	PN bar	Co PE100 hàn (Nối góc 90°) Chưa VAT	Co PE100 hàn (Nối góc 90°) Thanh toán	Lơi PE100 hàn (Nối góc 45°) Chưa VAT	Lơi PE100 hàn (Nối góc 45°) Thanh toán	Tê PE100 hàn (Ba chạc 90°) Chưa VAT	Tê PE100 hàn (Ba chạc 90°) Thanh toán	Y PE100 hàn (Ba chạc 45°) Chưa VAT	Y PE100 hàn (Ba chạc 45°) Thanh toán	Y PE100 hàn (Ba chạc 60°) Chưa VAT	Y PE100 hàn (Ba chạc 60°) Thanh toán
			đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
166	450	8.0	6,634,364	7,165,113	4,714,364	5,091,513	8,554,364	9,238,713	10,386,727	11,217,665	11,245,000	12,144,600
167	450	10.0	8,088,000	8,735,040	5,747,364	6,207,153	10,256,273	11,076,775	12,463,545	13,460,629	13,494,636	14,574,207
168	450	12.5	9,783,545	10,566,229	6,952,273	7,508,455						
169	450	16.0	11,740,636	12,679,887	8,342,636	9,010,047						
170	500	6.0	7,603,636	8,211,927	5,653,455	6,105,731	8,977,909	9,696,142	13,782,818	14,885,444	14,436,636	15,591,567
171	500	8.0	8,850,818	9,558,884	6,580,364	7,106,793	10,864,818	11,734,004	16,694,000	18,029,520	17,485,545	18,884,389
172	500	10.0	10,762,091	11,623,058	8,001,364	8,641,473	13,020,455	14,062,091	19,991,636	21,590,967	20,939,000	22,614,120
173	500	12.5	13,035,000	14,077,800	9,691,091	10,466,378						
174	500	16.0	15,609,818	16,858,604	11,605,273	12,533,695						
175	560	6.0	9,920,455	10,714,091	7,237,364	7,816,353	14,299,818	15,443,804	20,689,818	22,345,004	21,803,545	23,547,829
176	560	8.0	12,162,273	13,135,255	8,872,636	9,582,447	17,270,818	18,652,484	24,989,364	26,988,513	26,334,182	28,440,917
177	560	10.0	14,847,455	16,035,251	10,831,182	11,697,676			29,999,636	32,399,607		
178	560	12.5	17,932,545	19,367,149	13,081,727	14,128,265						
179	630	6.0	13,486,182	14,565,076	9,414,182	10,167,316	18,689,364	20,184,513	27,557,364	29,761,953	29,381,909	31,732,462
180	630	8.0	16,594,818	17,922,404	11,583,909	12,510,622	22,532,727	24,335,345	33,225,364	35,883,393	35,425,727	38,259,785
181	630	10.0	20,229,000	21,847,320	14,120,818	15,250,484						
182	630	12.5	24,390,000	26,341,200	17,025,364	18,387,393						
183	710	6.0	19,034,000	20,556,720	12,660,364	13,673,193	25,169,364	27,182,913	39,921,182	43,114,876	42,459,545	45,856,309
184	710	8.0	23,355,000	25,223,400	15,534,182	16,776,916	30,579,545	33,025,909	48,501,818	52,381,964	51,585,818	55,712,683
185	710	10.0	28,364,818	30,634,003	18,866,273	20,375,575						
186	710	12.5	34,461,818	37,218,764	22,921,364	24,755,073						
187	800	6.0	26,181,273	28,275,775	16,538,000	17,861,040	34,494,545	37,254,109	52,909,818	57,142,604	56,720,455	61,258,091
188	800	8.0	32,187,273	34,762,255	20,331,818	21,958,364			64,581,182	69,747,676		
189	800	10.0	39,084,545	42,211,309	24,688,636	26,663,727						
190	900	6.0	37,048,273	40,012,135	23,463,909	25,341,022	48,023,182	51,865,036	73,072,818	78,918,644	78,645,727	84,937,385
191	900	8.0	45,424,455	49,058,411	28,768,818	31,070,324			89,216,636	96,353,967		
192	900	10.0	55,411,364	59,844,273	35,093,909	37,901,422						
193	1000	6.0	50,713,455	54,770,531	32,139,182	34,710,316	65,526,182	70,768,276	101,214,182	109,311,316	108,023,000	116,664,840
194	1000	8.0	62,498,909	67,498,822	39,607,636	42,776,247			121,456,000	131,172,480		
195	1000	10.0	76,784,364	82,927,113	48,660,818	52,553,684						
196	1200	6.0	83,318,545	89,984,029	51,408,455	55,521,131						
197	1200	8.0	97,950,727	105,786,785	60,437,091	65,272,058						

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
V/P Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE - PE100

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 01-02-2022 đến khi có thông báo sửa đổi

Chú ý: Mặt bích hàn PE100 và PE80 giá như nhau

STT	Sản Phẩm DN ĐK danh nghĩa	PN bar	Mặt bích hàn (PE100, PE80) Chưa VAT đồng/cái	Mặt bích hàn (PE100, PE80) Thanh toán đồng/cái
198	200	10.0	472,727	510,545
199	200	16.0	472,727	510,545
200	225	6.0	719,818	777,403
201	225	8.0	747,727	807,545
202	225	10.0	777,091	839,258
203	225	12.5	813,364	878,433
204	225	16.0	855,364	923,793
205	250	6.0	746,273	805,975
206	250	8.0	779,909	842,302
207	250	10.0	817,636	883,047
208	250	12.5	865,091	934,298
209	250	16.0	913,909	987,022
210	280	6.0	869,364	938,913
211	280	8.0	932,818	1,007,443
212	280	10.0	1,002,364	1,082,553
213	280	12.5	1,088,182	1,175,237
214	280	16.0	1,180,273	1,274,695
215	315	6.0	938,818	1,013,923
216	315	8.0	1,021,727	1,103,465
217	315	10.0	1,107,818	1,196,443
218	315	12.5	1,210,455	1,307,291
219	315	16.0	1,337,455	1,444,451
220	355	6.0	1,183,364	1,278,033
221	355	8.0	1,367,364	1,476,753
222	355	10.0	1,518,364	1,639,833
223	355	12.5	1,693,455	1,828,931
224	355	16.0	1,907,909	2,060,542
225	400	6.0	1,403,636	1,515,927
226	400	8.0	1,580,273	1,706,695
227	400	10.0	1,769,000	1,910,520
228	400	12.5	1,987,818	2,146,843
229	400	16.0	2,264,000	2,445,120
230	450	6.0	1,930,636	2,085,087
231	450	8.0	2,191,455	2,366,771
232	450	10.0	2,501,000	2,701,080
233	450	12.5	2,843,636	3,071,127
234	450	16.0	3,278,182	3,540,437
235	450*	6.0	1,930,636	2,085,087
236	450*	8.0	2,191,455	2,366,771
237	450*	10.0	2,501,000	2,701,080
238	450*	12.5	2,843,636	3,071,127
239	450*	16.0	3,278,182	3,540,437
240	500	6.0	2,188,545	2,363,629
241	500	8.0	2,534,364	2,737,113
242	500	10.0	2,913,000	3,146,040
243	500	12.5	3,347,818	3,615,643
244	500	16.0	3,877,545	4,187,749
245	560	6.0	4,727,273	5,105,455
246	560	8.0	5,000,000	5,400,000
247	560	10.0	5,590,909	6,038,182
248	560	12.5	5,800,000	6,264,000
249	560	16.0	6,032,727	6,515,345
250	560*	6.0	4,727,273	5,105,455
251	560*	8.0	5,000,000	5,400,000
252	560*	10.0	5,590,909	6,038,182
253	560*	12.5	5,800,000	6,264,000
254	560*	16.0	6,032,727	6,515,345
255	630	6.0	5,569,545	6,015,109
256	630	8.0	6,772,727	7,314,545
257	630	10.0	8,000,000	8,640,000
258	630	12.5	8,372,727	9,042,545
259	630	16.0	8,590,909	9,278,182
260	710	6.0	11,454,545	12,370,909
261	710	8.0	13,454,545	14,530,909
262	710	10.0	15,272,727	16,494,545
263	710	12.5	16,818,182	18,163,637
264	710	16.0	19,090,909	20,618,182
265	800	6.0	16,181,818	17,476,363
266	800	8.0	16,818,182	18,163,637
267	800	10.0	17,272,727	18,654,545
268	800	12.5	20,909,091	22,581,818
269	800	16.0	22,727,273	24,545,455
270	900	6.0	20,909,091	22,581,818
271	900	8.0	22,272,727	24,054,545
272	900	10.0	23,818,182	25,723,637
273	900	12.5	24,636,364	26,607,273
274	900	16.0	26,818,182	28,963,637
275	1000	6.0	23,363,636	25,232,727
276	1000	8.0	23,636,364	25,527,273
277	1000	10.0	24,727,273	26,705,455
278	1000	12.5	27,727,273	29,945,455
279	1000	16.0	31,818,182	34,363,637
280	1200	6.0	28,636,364	30,927,273
281	1200	8.0	31,363,636	33,872,727
282	1200	10.0	35,000,000	37,800,000
283	1200	12.5	36,363,636	39,272,727
284	1200	16.0	38,636,364	41,727,273